

Số: **210** /BC-UBND

*Quảng Nam, ngày 10 tháng 12 năm 2019*

## **BÁO CÁO**

### **Tình hình kinh tế - xã hội năm 2019 và nhiệm vụ năm 2020**

#### **Phần thứ nhất**

### **TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI NĂM 2019**

#### **I. MỘT SỐ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC**

Trong năm 2019, các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp và toàn dân trong tỉnh đã tích cực triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ, Nghị quyết 14-NQ/TU ngày 03/12/2018 của Tỉnh ủy, Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 và Chương trình công tác của UBND tỉnh, kinh tế - xã hội đã đạt được một số kết quả cụ thể như sau:

##### **1. Kinh tế tiếp tục tăng trưởng, tuy nhiên tốc độ tăng thấp**

Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh năm 2019 (GRDP - giá so sánh 2010) ước đạt 60.788 tỷ đồng, tăng khoảng 3,81% so với năm 2018<sup>1</sup>.

Ngành công nghiệp tăng trưởng chậm (tăng 3,01%<sup>2</sup>), do nhập khẩu ô tô tăng mạnh và nhiều sản phẩm ô tô với các mẫu xe có mẫu mã và giá hấp dẫn tạo áp lực cạnh tranh đối với ô tô do Công ty ô tô Trường Hải (THACO) sản xuất. Tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp không đạt kế hoạch, dẫn đến tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) đã không đạt kế hoạch đề ra.

Thương mại - dịch vụ tiếp tục phát triển (tăng khoảng 5,09%), tổng mức bán lẻ hàng hoá và dịch vụ tiêu dùng hơn 55.600 tỷ đồng, đạt 101,35% kế hoạch và tăng 12,5% so với năm 2018. Hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại và dịch vụ được đẩy mạnh, nâng cao chất lượng; kết nối giao thương, thu hút đầu tư và quảng bá du lịch được tăng cường; thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các sự kiện, diễn đàn trong và ngoài nước để giới thiệu sản phẩm.

Tổng kim ngạch hàng hóa xuất nhập khẩu đạt 3.160 triệu USD (tăng 20,24 %). Trong đó: tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 1.145 triệu USD tăng 17,87%, tăng chủ yếu của các mặt hàng sản phẩm giày dép, may mặc, chip điện tử... Tổng kim ngạch nhập khẩu đạt 2.015 triệu USD tăng 21,9%, tăng chủ yếu của các mặt hàng nhập khẩu thường xuyên như linh kiện ô tô, máy

<sup>1</sup> Kế hoạch năm 2019, GRDP tăng 7-7,5% so với năm 2018.

<sup>2</sup> Năm 2018, tăng trưởng ngành công nghiệp – xây dựng 13,29% (trong đó công nghiệp khoảng 13,99%), thương mại dịch vụ 6,35%.

móc thiết bị tạo tài sản cố định của các dự án đầu tư, nguyên phụ liệu sản xuất sen vôi, nguyên vật liệu sản xuất giầy, nhựa đường, hàng may mặc<sup>3</sup>...

Tổng lượt khách tham quan, lưu trú trên 7,6 triệu lượt, tăng 17,33%; trong đó khách quốc tế gần 4,5 triệu lượt, tăng gần 20,1%<sup>4</sup>. Doanh thu từ tham quan, lưu trú năm 2019 ước đạt 5.877 tỷ đồng, tăng 25,04%. Thu nhập xã hội từ tham quan, lưu trú hơn 13.811 tỷ đồng. Mạng lưới cơ sở lưu trú tăng khá, hiện có 724 cơ sở lưu trú du lịch với 15.047 phòng hoạt động. Số lượng khách sạn đạt tiêu chuẩn đón khách quốc tế ngày càng tăng (khoảng 128 khách sạn với gần 7.750 phòng). Dự kiến các dự án lớn được đầu tư trong lĩnh vực du lịch nghỉ dưỡng cao cấp sẽ đi vào hoạt động từ năm 2020 sẽ có đóng góp đáng kể vào tăng trưởng của khu vực này.

Do tốc độ phát triển của ngành công nghiệp tăng trưởng chậm nên cơ cấu kinh tế khu vực nông nghiệp chiếm 12,62%, công nghiệp và xây dựng gần 33,96%, trong đó công nghiệp khoảng 27,63%; thương mại - dịch vụ chiếm 34,56%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm gần 18,87%. GRDP bình quân đầu người hơn 66 triệu đồng/người, tăng hơn 4 triệu đồng/người so với năm 2018.

Tổng nguồn vốn huy động ước đạt 56.702 tỷ đồng, tăng 15,11% so với đầu năm<sup>5</sup>. Trong đó, huy động bằng nội tệ đạt 55.859 tỷ đồng, chiếm 98,51%, đây là nguồn vốn chủ đạo, tăng trưởng cao và ổn định, tạo sự chủ động của các ngân hàng thương mại trong đầu tư tín dụng để phát triển kinh tế.

Nhu cầu vốn tín dụng cho phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn tăng cao, dư nợ cho vay tăng trưởng mạnh ngay từ những tháng đầu năm. Ước đến 31/12/2019, tổng dư nợ cho vay trên địa bàn đạt 73.730 tỷ đồng, tăng 24,01% so với đầu năm<sup>6</sup>.

Khu vực nông, lâm và thủy sản tiếp tục duy trì ổn định, tăng 1,7% so năm 2018. Toàn tỉnh gieo cấy khoảng 85 nghìn ha lúa; năng suất đạt 53,1 tạ/ha, giảm 0,5 tạ/ha; sản lượng lúa hơn 451,3 nghìn tấn, giảm 2,4% so với năm 2018. Chăn nuôi gia cầm phát triển khá, giá bán sản phẩm được ổn định, người chăn nuôi yên tâm đầu tư mở rộng quy mô đầu tư.

Tính đến hết ngày 27/11/2019, tổng số lợn tiêu hủy do bệnh là 148.428 con, chiếm 16,54% trên tổng đàn lợn cả năm của tỉnh. Trọng lượng tiêu hủy 8.805 tấn. Số xã tái phát dịch 43 xã. Hiện số hộ đang còn dịch là 149 xã/15 huyện, thị xã, thành phố; 55 xã, phường (trong đó có 10 xã, phường của thành phố Hội An) có dịch qua 30 ngày. Phương thức chăn nuôi có sự chuyển biến dần từ chăn nuôi nhỏ lẻ sang chăn nuôi tập trung. Có 178 trang trại chăn nuôi<sup>7</sup>, tăng 13 trang trại so với năm 2018. Có 05 cơ sở chăn nuôi được công nhận phù

<sup>3</sup> Số liệu từ Cục Hải quan tỉnh Quảng Nam tính đến ngày 15/11/2019.

<sup>4</sup> Tổng lượt khách lưu trú do các cơ sở lưu trú trên địa bàn tỉnh phục vụ hơn 3,5 triệu lượt, tăng gần 2,2% so cùng kỳ năm trước, trong đó khách quốc tế với hơn 1,7 triệu lượt, tăng hơn 12,6%. Tổng lượt khách do các đơn vị lữ hành phục vụ ước tính gần 3,4 triệu lượt khách, tăng 14,5% so với năm 2018, trong đó khách quốc tế gần 1,9 triệu lượt khách, tăng hơn 4%. Doanh thu từ dịch vụ lưu trú ước tính trên 2.900 tỷ đồng, tăng 9,7%; doanh thu từ dịch vụ du lịch lữ hành hơn 625 tỷ đồng, tăng 7,1%.

<sup>5</sup> Năm 2018, tổng vốn huy động tăng 12%.

<sup>6</sup> Năm 2018 tín dụng tăng 16%

<sup>7</sup> Trong đó có 02 trang trại bò, 76 trang trại lợn, 99 trang trại gia cầm và 01 trang trại thỏ.

hợp với quy trình thực hành chăn nuôi tốt tại Việt Nam (VietGAP), gồm 04 cơ sở chăn nuôi lợn và 01 cơ sở chăn nuôi gà.

Tổng sản lượng thủy sản ước đạt 115.000 tấn, vượt 1,76% kế hoạch năm 2019 và tăng 0,4 % so với năm 2018. Trong đó, sản lượng khai thác thủy sản 91.500 tấn; sản lượng nuôi trồng thủy sản 23.500 tấn. Số lượng tàu cá toàn tỉnh là 3.030 chiếc<sup>8</sup>, tàu cá có khả năng hoạt động xa bờ có chiều dài lớn nhất từ 15m trở lên là 744 chiếc, tăng 130 chiếc.

Diện tích rừng trồng mới tập trung hơn 20.097 ha, đạt 82% so với kế hoạch. Khoanh nuôi bảo vệ rừng thực hiện 3.535 ha đạt 100%. Đã thực hiện giao khoán 73.445 ha đạt 93,3% so với kế hoạch; diện tích còn lại 5.245 ha là diện tích giao khoán mới, các địa phương tiếp tục thực hiện. Đã thực hiện giao khoán bảo vệ rừng đặc dụng với diện tích 31.339 ha, đạt 100% so với kế hoạch; Các Ban quản lý rừng đặc dụng hỗ trợ cho 100 cộng đồng dân cư vùng đệm các khu rừng đặc dụng với mức hỗ trợ là 40 triệu đồng/thôn/năm. Tổ chức trên 490 lượt tuần tra, truy quét về khai thác khoáng sản trái phép có xâm hại đến tài nguyên rừng và đất lâm nghiệp. Trong đó, đã phát hiện, lập biên bản 464 vụ vi phạm luật bảo vệ và phát triển rừng (giảm 288 vụ so với cùng kỳ năm 2018); thu nộp ngân sách Nhà nước hơn 6,6 tỷ đồng. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 59%, vượt kế hoạch đề ra<sup>9</sup>.

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 22.711 tỷ đồng/23.144 tỷ đồng, tỷ lệ 98,1%; trong đó thu nội địa dự kiến đạt 18.544 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch, thu xuất nhập khẩu 4.167 tỷ/4.600 tỷ đồng, đạt 90,6%.

Cơ cấu nguồn thu đã chuyển biến theo hướng tích cực, ít lệ thuộc vào một số sản phẩm chủ lực, cụ thể như số thu từ ô tô thương hiệu Trường Hải chiếm hơn 70% tổng thu nội địa vào năm 2015, giảm xuống dưới 50% trong năm 2019. Việc ký kết và tham gia vào các Hiệp định thương mại tự do (FTA) đã đem lại nhiều cơ hội cho nền kinh tế Việt Nam, cũng như có tác động tích cực đối với các doanh nghiệp trong hội nhập và mở rộng thị trường cũng như buộc phải cam kết lộ trình phải cắt giảm sâu thuế suất thuế nhập khẩu. Điều này làm cho thị trường ô tô càng cạnh tranh khốc liệt, đã ảnh hưởng đến doanh thu bán hàng của ô tô Trường Hải, do đó trực tiếp tác động lên nguồn thu ngân sách tỉnh.

Một số nguồn thu đạt thấp như thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước trung ương chỉ đạt khoảng 645 tỷ đồng, đạt 69,7% dự toán, giảm 9,5% so với số thu năm 2018. Nguyên nhân do thời tiết nắng nóng, khô hạn kéo dài, lượng nước về thủy điện ở mức thấp các nhà máy thủy điện không đủ nước phát điện theo công suất thiết kế, ước thu từ hoạt động các nhà máy thủy điện khoảng 350 tỷ đồng, chỉ đạt 58% kế hoạch năm 2019; thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đảm bảo đạt và vượt dự toán giao đầu năm, nhờ một số nhà máy, doanh nghiệp mở rộng sản xuất như nhà máy bia Heineken đưa vào vận hành dây chuyền công nghệ mới, năng suất cao; bên cạnh đó một số doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực nước giải khát, may mặc, dịch vụ

<sup>8</sup> Trong đó, vùng khơi ( $\geq 15$  mét) là 744 chiếc, vùng lộng ( $12 < 15$  mét) là 692 chiếc, vùng bờ ( $6 < 12$  mét) là 1.594 chiếc. .

<sup>9</sup> Kế hoạch năm 2019 tỷ lệ che phủ rừng 57,7%

sân gôn mở rộng và phát triển, ước thu năm 2019 ở khu vực này là 1.996 tỷ đồng, đạt 112,76% dự toán, bằng số thu năm 2018, trong đó Công ty TNHH nhà máy bia Heineken Quảng Nam ước nộp 1.326 tỷ đồng, đạt 110,5% kế hoạch nộp ngân sách; thu từ doanh nghiệp ngoài quốc doanh ước thực hiện năm 2019 từ khu vực này là 11.328 tỷ đồng đạt 91,6 % dự toán, giảm 9,1% so với số thu năm 2018 trong đó tập đoàn ô tô Trường Hải nộp ngân sách là: 9.285 tỷ đồng, đạt 87,3% kế hoạch.

Tổng chi ngân sách địa phương HĐND tỉnh giao năm 2019 là 23.125 tỷ đồng, ước thực hiện là 32.577 tỷ đồng, đạt 140,9% dự toán. Chi trong cân đối ngân sách địa phương 23.053 tỷ đồng, đạt 115%, trong đó chi đầu tư phát triển 9.976 tỷ đồng, đạt 207%; chi thường xuyên 12.495 tỷ đồng, đạt 105%; chi chương trình mục tiêu 4.094 tỷ đồng, đạt 133% dự toán; chi chuyển nguồn sang năm sau 5.410 tỷ đồng.

Triển khai thực hiện Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Nhiều nhiệm vụ, đồ án quy hoạch quan trọng đã được phê duyệt phục vụ phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Đẩy mạnh đầu tư nhà ở thương mại, khu đô thị mới nhằm hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị<sup>10</sup>.

## **2. Thực hiện 3 nhiệm vụ đột phá về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, phát triển nguồn nhân lực và cải thiện môi trường đầu tư có nhiều chuyển biến tích cực.**

### ***2.1. Về phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ***

Tiếp tục triển khai kế hoạch hành động thực hiện Kết luận số 37-KL/TU ngày 19/7/2016 của Tỉnh ủy về thực hiện ba nhiệm vụ đột phá về đầu tư kết cấu hạ tầng đồng bộ, phát triển nguồn nhân lực và cải thiện môi trường đầu tư giai đoạn 2016-2020. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội năm 2019 hơn 31.879 tỷ đồng, tăng hơn 12,7% và chiếm 32,1% GRDP. Tập trung đầu tư ở một số dự án, công trình trọng điểm như: Dự án nâng cấp, mở rộng các tuyến đường ĐT, ĐH; các tuyến nối từ đường ven biển đến đường Quốc lộ 1A và đến đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi; phát triển hạ tầng sản xuất giống sâm Ngọc Linh; đường trục chính tái định cư khu công nghiệp Tam Thăng; nâng cấp, mở rộng đường vào trung tâm du lịch phố cổ Hội An, đầu tư cơ sở hạ tầng 05 cụm công nghiệp: CCN Đồi 30, huyện Phú Ninh; CCN thôn Bốn, xã Ba, huyện Đông Giang; CCN áp 5 huyện Đại Lộc, CCN Đông Phú 1, huyện Quế Sơn; Hoàn thiện hạ tầng CCN Phú Mỹ, huyện Phú Ninh xây dựng các trường đạt chuẩn trung học phổ thông và các bệnh viện tuyến tỉnh, huyện.

Tổng nguồn vốn kế hoạch đầu tư công năm 2019 hơn 9.368 tỷ đồng, trong đó giao kế hoạch đầu năm 7.516 tỷ đồng và bổ sung trong năm hơn 1.852 tỷ đồng. Đến ngày 31/11/2019, đã giao hơn 7.806 tỷ đồng kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2019; số vốn còn lại chưa phân bổ (1.561 tỷ đồng) do một số công trình trả nợ khối lượng nhưng chưa quyết toán, công trình khởi

---

<sup>10</sup> Quy hoạch (1/2.000) tuyến ven biển, tuyến ven sông Cổ Cò từ thị xã Điện Bàn đến thành phố Hội An, quy hoạch phân khu (tỷ lệ 1/2.000) các giai đoạn I, II, III tại Đô thị mới Điện Nam - Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, Chương trình phát triển đô thị tỉnh Quảng Nam theo Quyết định số 1367/QĐ-UBND ngày 17/4/2015 giai đoạn đến 2020 và đề xuất kế hoạch phát triển đô thị giai đoạn đến 2025.

công mới chưa đảm bảo hồ sơ, thủ tục<sup>11</sup>; vốn một số chương trình hỗ trợ sau đầu tư theo Nghị Quyết của HĐND tỉnh. Ngân sách tỉnh chưa giao chủ yếu do các dự án mới chưa đảm bảo thủ tục đầu tư; một số Nghị quyết của HĐND tỉnh thực hiện theo hình thức hỗ trợ sau đầu tư; trả nợ khối lượng các dự án nhưng chưa đảm bảo thủ tục quyết toán; nguồn dự phòng đối ứng.

Tập trung giải quyết các tồn tại, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, bàn giao mặt bằng sạch cho các chủ đầu tư triển khai dự án đảm bảo tiến độ đề ra, nhất là các dự án trọng điểm, các dự án chào mừng Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XXII. Tổng hợp nội dung, đề xuất danh mục thuộc các hợp phần đầu tư, xúc tiến, làm việc với các ngân hàng ADB, WB về huy động nguồn vốn phát triển kết cấu hạ tầng tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2020 - 2025.

Xây dựng phương án phân bổ nguồn vốn đầu tư từ nguồn vượt thu, tiết kiệm chi năm 2018 còn lại để chi đầu tư phát triển. Thực hiện nguyên tắc phân bổ ưu tiên thanh toán các dự án đã quyết toán hoàn thành, các dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong năm 2019, các dự án chào mừng Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XXII và chương trình nông thôn mới. Số kinh phí còn lại đề nghị bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn để triển khai xây dựng một số dự án thực sự cần thiết cho các ngành, địa phương.

Theo số liệu tổng hợp từ báo cáo của chủ đầu tư nợ khối lượng hoàn thành tính đến hết quý III/2019 là 1.237,1 tỷ đồng, tăng 18,9 tỷ đồng so với nợ đọng xây dựng cơ bản đến hết quý II năm 2019<sup>12</sup>.

Khối lượng nợ xây dựng cơ bản cấp tỉnh 633 tỷ đồng, trong đó một số chủ đầu tư có nợ lớn như: Ban Quản lý khu kinh tế mở Chu Lai 478,4 tỷ đồng (dự án cầu Cửa Đại 170,3 tỷ đồng; dự án phòng chống lụt bão, đường cứu hộ, cứu nạn Tam Kỳ 121,9 tỷ đồng...), số nợ này có khả năng giảm lớn do các công trình đang thẩm tra quyết toán, dự kiến có giá trị giảm.

Khối lượng nợ xây dựng cơ bản cấp huyện 604,1 tỷ đồng, trong đó một số huyện có nợ lớn như Tam Kỳ 91,3 tỷ đồng, Tiên Phước 64,3 tỷ đồng, Tây Giang 64,2 tỷ đồng; Duy Xuyên 51,5 tỷ đồng, Thăng Bình 45,1 tỷ đồng, Quế Sơn 39,9 tỷ đồng.

Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công năm 2019 đạt thấp, dự kiến đến cuối năm giải ngân dự kiến ước đạt **70%**<sup>13</sup>. Nguồn vốn giải ngân thấp thuộc ngân sách tỉnh và vốn ODA. Do một số dự án mới thuộc ngân sách tỉnh đến 31/10/2019 vẫn chưa đảm bảo thủ tục để bố trí vốn; một số dự án đã bố trí nguồn vốn nhưng do vướng công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và thực hiện các thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Bên cạnh đó một số dự án

---

<sup>11</sup> Đến ngày 20/11/2019 có 66/101 dự án mới được phê duyệt chủ trương đầu tư, trong đó có 34 dự án đã phê duyệt quyết định đầu tư

<sup>12</sup> Phân theo nguồn vốn: Ngân sách trung ương 121,5 tỷ đồng (cấp tỉnh nợ 56,5 tỷ đồng; cấp huyện nợ 65 tỷ đồng). Nguồn ngân sách tỉnh 627,7 tỷ đồng (cấp tỉnh nợ 562,8 tỷ đồng; cấp huyện nợ 64,9 tỷ đồng). Nguồn ngân sách huyện 402,7 tỷ đồng. Nguồn ngân sách xã 52,5 tỷ đồng. Nguồn khác 32,7 tỷ đồng (cấp tỉnh nợ 13,7 tỷ đồng; cấp huyện nợ 19 tỷ đồng).

<sup>13</sup> Kế hoạch vốn đầu tư công 2019 giải ngân đến 31/11/2019 là 3.805,860 tỷ đồng, đạt 49% so với kế hoạch vốn đã phân bổ, đạt 51% kế hoạch vốn giao từ đầu năm, đạt 41% kế hoạch vốn sau khi bổ sung, vốn ODA ngân sách TW cấp phát là 17%.

ODA do phải chờ ý kiến của nhà tài trợ về các thủ tục đấu thầu, điều chỉnh dự án, gia hạn Hiệp định.

Triển khai thực hiện Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Nhiều nhiệm vụ, đồ án quy hoạch quan trọng đã được phê duyệt phục vụ phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Đẩy mạnh giải quyết thủ tục để đầu tư nhà ở thương mại, khu đô thị mới nhằm hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị<sup>14</sup>. Xây dựng kế hoạch phát triển đô thị giai đoạn đến 2025 theo kết luận số 38-KL/TU ngày 19/7/2016 của Tỉnh ủy và Chương trình phát triển đô thị tỉnh Quảng Nam theo Quyết định số 1367/QĐ-UBND ngày 17/4/2015 của UBND tỉnh giai đoạn đến 2020.

## **2.2. Phát triển nguồn nhân lực**

Thực hiện tốt Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 12-8-2016 của Tỉnh ủy về nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, kiện toàn tổ chức bộ máy giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng đến năm 2025. rà soát, xây dựng Đề án vị trí việc làm của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh. Hoàn thành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Quảng Nam năm 2019 theo Quyết định 3873 /QĐ-UBND, ngày 26/12/2018 của UBND tỉnh.

Công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm được quan tâm thường xuyên. Tổng số lao động được tuyển sinh, đào tạo nghề năm 2019 hơn 35.500 người. Số lao động có việc làm mới tăng thêm hơn 14.500 lao động, đưa 5.000 lao động đi làm việc theo hợp đồng tại nước ngoài. Tỷ lệ lao động qua đào tạo 62%, đạt kế hoạch đề ra; trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo từ 3 tháng trở lên có chứng chỉ công nhận kết quả đào tạo là 28%. Cơ cấu lao động chuyển dịch theo hướng tích cực, lao động ngành nông - lâm - ngư nghiệp chiếm 40%, công nghiệp - xây dựng chiếm 29,2%, nhóm ngành thương mại - dịch vụ chiếm 30,8%. Tuy nhiên, chất lượng nguồn lao động, năng suất lao động còn thấp, chưa đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động.

## **2.3. Cải thiện môi trường đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp, khởi nghiệp, thúc đẩy sản xuất kinh doanh và phát triển hợp tác xã**

Đã triển khai đồng bộ các nhóm giải pháp để hỗ trợ doanh nghiệp phát triển theo Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ và Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 06/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020, Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021. Những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp kịp thời giải quyết tại các buổi tiếp doanh nghiệp định kỳ và qua Cổng thông tin Hỗ trợ doanh nghiệp của tỉnh.

Tổ chức tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 04/5/2009 của Tỉnh ủy về xây dựng, cải thiện môi trường đầu tư trên địa bàn tỉnh.

Hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo bước đầu đạt được những kết

---

<sup>14</sup> Quy hoạch (1/2.000) tuyến ven biển, tuyến ven sông Cỏ Cò từ thị xã Điện Bàn đến thành phố Hội An, quy hoạch phân khu (tỷ lệ 1/2.000) các giai đoạn I, II, III tại Đô thị mới Điện Nam - Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, Chương trình phát triển đô thị tỉnh Quảng Nam theo Quyết định số 1367/QĐ-UBND ngày 17/4/2015 giai đoạn đến 2020 và đề xuất kế hoạch phát triển đô thị giai đoạn đến 2025.

quả tích cực, đã phối hợp tổ chức thành công Ngày hội Phụ nữ khởi nghiệp miền Trung - Tây Nguyên và Ngày hội khởi nghiệp sáng tạo Quảng Nam lần thứ Nhất, Ngày hội Khởi nghiệp cấp huyện. Toàn tỉnh có 03 địa phương ban hành Hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo cấp huyện, thành lập 09 Câu Lạc bộ khởi nghiệp sáng tạo.

Qua phân tích chỉ số cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) 04 năm gần đây đều nằm trong top 10 tỉnh, thành phố có chỉ số tốt<sup>15</sup>. Việc thu hút đầu tư và phát triển doanh nghiệp của tỉnh trong năm đạt khá. Tổng số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới là 1.358 doanh nghiệp tăng gần 10% so với cùng kỳ 2018, số vốn đăng ký là 16.210 tỷ đồng tăng gần 59% so với cùng kỳ. Đăng ký giải thể là 116 doanh nghiệp, tăng gần 5%; Doanh nghiệp ngừng hoạt động không làm thủ tục giải thể theo quy định và doanh nghiệp bỏ địa chỉ kinh doanh bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp 365 doanh nghiệp, giảm gần 44%. Thông báo tạm ngừng hoạt động 359 doanh nghiệp, tăng hơn 10% so với cùng kỳ 2018. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cho 126 chi nhánh và 42 văn phòng đại diện.

Phối hợp với Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tổ chức thành công Hội nghị thượng đỉnh kinh doanh Việt Nam - Hàn Quốc tại Khu kinh tế mở Chu Lai về các lĩnh vực khởi nghiệp sáng tạo và công nghệ.

Cấp mới 22 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) với tổng vốn đăng ký khoảng 121 triệu USD, giảm 04 dự án so với năm 2018; nâng tổng số dự án FDI trên địa bàn tỉnh còn hiệu lực là 188 dự án với tổng vốn đầu tư 5,9 tỷ USD. Cấp phép 65 dự án đầu tư trong nước với tổng vốn đăng ký hơn 14.137 tỷ đồng. Song song với việc thu hút đầu tư, công tác rà soát, hậu kiểm sau cấp chứng nhận đăng ký đầu tư được quan tâm, tăng cường, góp phần giải quyết dứt điểm các dự án chậm tiến độ, tạo cơ hội cho các nhà đầu tư khác thực sự có năng lực triển khai dự án. Đã thu hút nhiều dự án nông nghiệp công nghệ cao, như Khu nông nghiệp công nghệ cao Đông Quảng Nam, thuộc xã Bình Dương, huyện Thăng Bình với tổng diện tích trên 278 ha, vốn đầu tư hơn 3.300 tỷ đồng; Khu công nghiệp Nông - Lâm chất lượng cao với diện tích 451 ha, tổng vốn đầu tư hạ tầng là 8.118 tỷ đồng.

### **3. Phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, chương trình nông thôn mới, giảm nghèo tiếp tục đạt được một số kết quả.**

Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết 05-NQ/TU ngày 17/8/2016 của Tỉnh ủy, Nghị quyết 12/2017/NQ-HĐND ngày 19/4/2017, Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 28/9/2018 của HĐND tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội miền núi tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2025. Trước mắt tập trung sắp xếp ổn định dân cư và triển khai các dự án lớn như: trồng rừng gỗ lớn, phát triển chăn nuôi tập trung, phát triển hạ tầng du lịch miền núi và phát triển kết cấu hạ tầng gắn với phát triển vùng nguyên liệu. Đã có 4.093 hộ tham gia sắp xếp, di dời chỗ ở; trong đó, số hộ đã di chuyển nhà đến nơi ở mới là 3.186 hộ, đạt 63,7% so với tổng chỉ tiêu đến năm 2020 (5.000 hộ). Tổng nguồn vốn ngân sách tỉnh bố trí thực hiện trong 03 năm

<sup>15</sup> Năm 2015 xếp thứ 08/63 tỉnh thành, Năm 2016 đứng vị thứ 10/63 tỉnh thành; năm 2017 xếp thứ 07/63 tỉnh thành, năm 2018 xếp 07/63 tỉnh thành.

2017- 2019 hơn 285 tỷ đồng<sup>16</sup>.

Xây dựng khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu đã triển khai thực hiện đạt kết quả bước đầu, đã có 57 thôn được công nhận đạt chuẩn khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, góp phần đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện các tiêu chí nông thôn mới, tạo ra diện mạo mới ở nhiều địa phương.

Năm 2019, kế hoạch vốn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới từ nguồn ngân sách trung ương và tỉnh là 715,8 tỷ đồng (không kể nguồn kinh phí sự nghiệp), trong đó ngân sách trung ương là 310,3 tỷ đồng, ngân sách tỉnh là 405,5 tỷ đồng. Ngoài ra, nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác 641,3 tỷ đồng, vốn tín dụng là 498,7 tỷ đồng, vốn huy động doanh nghiệp, HTX là 52,7 tỷ đồng, vốn nhân dân đóng góp (quy ra giá trị) là 75,3 tỷ đồng.

Bình quân số tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới toàn tỉnh là 14,36 tiêu chí/xã, tăng 0,2 tiêu chí/xã so với năm 2018. Dự kiến đến cuối năm 2019, có thêm 13 xã đạt chuẩn nông thôn mới, nâng tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới đạt 98 xã, đạt 48%; đạt 01 xã nông thôn mới nâng cao (xã Đại Hiệp) và 01 xã nông thôn mới kiểu mẫu (xã Điện Quang). Tiếp tục rà soát, điều chỉnh lộ trình và bổ sung thêm các xã có kết quả tốt trong xây dựng NTM vào danh sách xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019-2020.

Triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, chính sách giảm nghèo, chính sách khuyến khích thoát nghèo bền vững. Năm 2019, kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu giảm nghèo bền vững hơn 267,4 tỷ đồng. Nguồn vốn này tập trung thực hiện các mục tiêu hỗ trợ phát triển kết cấu hạ tầng, hỗ trợ sản xuất, chăm sóc bảo vệ rừng, hỗ trợ giáo dục đào tạo và dạy nghề tại các địa bàn nông thôn, miền núi, các xã đặc biệt khó khăn.

Đến ngày 03/12/2019, toàn tỉnh còn 25.689 hộ nghèo, tỷ lệ 6,06%; giảm 5.848 hộ nghèo so với năm 2018 (tương ứng giảm 1,51%) vượt 843 hộ so với chỉ tiêu của trung ương và của tỉnh giao năm 2019.

Khu vực đồng bằng còn 8.237 hộ nghèo, tỷ lệ 2,42%; giảm 2.405 hộ so với năm 2018, vượt 650 hộ so với chỉ tiêu UBND tỉnh giao (1.755 hộ). Trong 8.237 hộ nghèo có 6.291 hộ thuộc chính sách bảo trợ xã hội không có khả năng thoát nghèo và 938 hộ già cả, ốm đau thường xuyên chưa thể tác động thoát nghèo. **Số hộ nghèo có thể tác động để thoát nghèo là 1.008 hộ.**

Khu vực miền núi còn 17.452 hộ nghèo, tỷ lệ 20,83%; giảm 3.443 hộ so với năm 2018, vượt 193 hộ so với chỉ tiêu UBND tỉnh giao (3.250 hộ). Trong 17.452 hộ nghèo có 2.152 hộ thuộc chính sách bảo trợ xã hội không có khả năng thoát nghèo và 1.049 hộ già cả, ốm đau thường xuyên chưa thể tác động thoát nghèo. **Số hộ nghèo có thể tác động để thoát nghèo là 14.251 hộ.**

**4. Quản lý tài nguyên, môi trường được quan tâm, công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư được tập trung chỉ đạo thực hiện quyết liệt.**

Thực hiện rà soát điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) của tỉnh, chuyển đổi mục đích sử

<sup>16</sup> Ngân sách bố trí sắp xếp dân cư năm 2017: 105,865 tỷ đồng; 2018: 50 tỷ đồng; 2019: 150 tỷ đồng



dụng đất rừng để phục vụ một số các dự án. Đẩy nhanh tiến độ đo đạc, xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu quản lý đất đai và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nhân dân các xã Vùng Đông, giao đất, trồng và bảo vệ rừng các xã vùng Tây. Ban hành Quy định việc tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu, lựa chọn nhà đầu tư để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh. Triển khai thực hiện công tác sửa đổi, bổ sung Bảng giá đất trên địa bàn.

Đề xuất danh mục nhiệm vụ thực hiện Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh. Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ môi trường, đặc biệt là ở các khu, cụm công nghiệp, các địa điểm vui chơi, du lịch. Đầu tư, xử lý ô nhiễm các khu xử lý rác thải Tam Xuân, huyện Núi Thành và xã Đại Hiệp, huyện Đại Lộc.

Tập trung chỉ đạo quyết liệt, đồng bộ các giải pháp để tăng cường quản lý lâm, khoáng sản, trong đó tập trung vào các nhiệm vụ tại Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 04/11/2016 của Tỉnh ủy về tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng và tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017-2020. Chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nhằm tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản cát, sỏi trên sông Vu Gia, Thu Bồn; triển khai phương án kiểm tra, truy quét các địa bàn trọng điểm về khai thác cát, sỏi trái phép.

## **5. Các vấn đề về văn hóa, xã hội được tập trung giải quyết**

Nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ, các lễ hội truyền thống diễn ra nhân sự kiện và các ngày lễ, kỷ niệm. Tổ chức thành công các hoạt động lớn như: Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số tỉnh lần thứ III năm 2019; chuỗi hoạt động kỷ niệm 20 năm Đô thị cổ Hội An, Khu Đền tháp Mỹ Sơn được công nhận Di sản văn hóa Thế giới; 10 năm Cù Lao Chàm - Hội An được công nhận Khu dự trữ sinh quyển thế giới; Liên hoan Tuyên truyền lưu động Kỷ niệm 60 năm Ngày mở đường Hồ Chí Minh và Truyền thống bộ đội Trường Sơn. Tham gia Ngày hội giao lưu văn hóa, thể thao và du lịch các dân tộc thiểu số 06 tỉnh vùng biên giới Việt Nam - Lào, khu vực miền Trung, Tây Nguyên năm 2019. Phối hợp tổ chức thành công nhiều giải thể thao truyền thống; giải bóng chuyền nữ quốc tế VTV năm 2019; tổ chức thành công chung kết bóng đá cúp quốc gia năm 2019.

Chuẩn bị tốt các điều kiện và thực hiện các nhiệm vụ liên quan để tổ chức tốt các hoạt động nhân Kỷ niệm 60 năm kết nghĩa Quảng Nam - Thanh Hóa và Kỷ niệm 90 năm thành lập Đảng bộ tỉnh gắn với kỷ niệm 45 năm ngày giải phóng quê hương (tháng 3/2020).

Tổ chức kỳ thi THPT quốc gia năm 2019 thành công, đảm bảo an toàn, nghiêm túc, qua thi tuyển không để xảy ra sai sót, sự cố nào. Hệ thống mạng lưới trường lớp, trung tâm học tập được quan tâm đầu tư và phân bổ hợp lý trên địa bàn tỉnh; năm học 2018-2019, toàn tỉnh có 816 trường<sup>17</sup> với 332.662 học

<sup>17</sup> Mầm non: 275 trường, tiểu học: 266 trường, THCS: 218 trường, THPT: 57 trường

sinh; 191 trung tâm học tập cộng đồng tại các xã, phường, thị trấn<sup>18</sup>; 60 trung tâm tin học - ngoại ngữ; 04 trung tâm giáo dục kỹ năng sống và 04 trung tâm tư vấn du học. Chú trọng công tác xây dựng trường chuẩn; đến nay, toàn tỉnh có 505 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt tỉ lệ trên 61,7%<sup>19</sup>; tiếp tục dẫn đầu các tỉnh Duyên hải miền Trung về công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia. Trong năm, đã đầu tư xây dựng và đưa vào sử dụng Trường THPT Võ Chí Công ở huyện Tây Giang; khởi công xây dựng mới Trường THPT Nguyễn Huệ huyện Núi Thành; Chuẩn bị thủ tục đầu tư Trường THPT Trần Đại Nghĩa huyện Quế Sơn và THPT Nguyễn Duy Hiệu thị xã Điện Bàn.

Chất lượng đội ngũ giáo viên được nâng lên<sup>20</sup>, cơ sở vật chất, trang thiết bị trường học cơ bản đáp ứng được nhu cầu dạy học. Kỳ thi học sinh giỏi Trung học phổ thông quốc gia năm học 2018-2019, đội tuyển học sinh giỏi của tỉnh vẫn duy trì số lượng giải<sup>21</sup>. Tại cuộc thi Olympic du học Nga dành cho học sinh các trường Trung học phổ thông chuyên khu vực miền Trung năm 2019, Quảng Nam tiếp tục dẫn đầu khu vực với 22 học sinh giành chiến thắng trong tổng số 45 học sinh ở khu vực miền Trung - Tây Nguyên dự thi.

Chi trả trợ cấp thất nghiệp cho 2.628 lao động, với tổng số tiền hơn 30,8 tỷ đồng. Triển khai thực hiện mức lương tối thiểu vùng năm 2019 theo quy định; thực hiện tốt công tác quản lý; giải quyết, hướng dẫn, trả lời các kiến nghị của người lao động, doanh nghiệp về pháp luật lao động.

Xây dựng Đề án sắp xếp cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khoá XII và Chương trình số 15-CTr/TU ngày 27/02/2018 của Tỉnh ủy Quảng Nam. Tập trung triển khai việc sắp xếp tổ chức, bộ máy ngành giáo dục và đào tạo; mạng lưới giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 25/4/2017 của Tỉnh ủy về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo tỉnh đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025”. Thực hiện Kế hoạch truyền thông giáo dục nghề nghiệp và tư vấn nghề nghiệp tại các Trường THCS và THPT trên địa bàn tỉnh; tổ chức thành công Hội nghị triển khai công tác phân luồng và tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp năm 2019. Tuyển sinh đào tạo nghề hơn 29.004 lao động; trong đó, học nghề tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp 12.290 người, đào tạo thường xuyên, đào tạo dưới 03 tháng, bồi dưỡng, tập huấn theo các chương trình tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, làng nghề là 16.714 người. Riêng số lao động được đào tạo theo Đề án đào tạo nghề lao động nông thôn 1.538 người và theo cơ chế hỗ trợ đào tạo lao động cho chương trình, dự án trọng điểm giai đoạn 2016-2020 hơn 1.309 người.

Tiếp tục đầu tư phát triển hạ tầng y tế, mở rộng qui mô giường bệnh, phát triển một số kỹ thuật mũi nhọn y tế chuyên sâu, trong đó đáng chú ý là

---

<sup>18</sup> Đã sáp nhập 166 trung tâm học tập cộng đồng vào trung tâm Văn hóa - Thể thao xã và còn 25 trung tâm học tập cộng đồng đang hoạt động, chưa sáp nhập

<sup>19</sup> Trong đó, THPT 17 trường, THCS 125 trường, tiểu học 212 trường, mầm non 151 trường

<sup>20</sup> Năm học 2018-2019, toàn ngành có 23.085 cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên (trong đó, mầm non: 4794, tiểu học: 8029; THCS: 7170, THPT: 3092)

<sup>21</sup> Năm nay, đội tuyển của tỉnh có 58 em dự thi, giành được 30 giải, trong đó có 01 giải nhì, 07 giải ba và 22 giải khuyến khích phân bố đều ở các môn thi

việc đầu tư nâng cấp và xây dựng các bệnh viện trên địa bàn tỉnh như Bệnh viện Đa khoa Quảng Nam, Bệnh viện Sản Nhi; Bệnh viện đa khoa khu vực Quảng Nam, Bệnh viện đa khoa khu vực miền núi phía Bắc, Trung tâm y tế các huyện: Quế Sơn, Phước Sơn. Công tác phòng, chống dịch bệnh, vệ sinh an toàn thực phẩm được kiểm soát tốt nên hạn chế được các dịch bệnh nguy hiểm. Tuy vậy, việc đầu tư, nâng cấp trang thiết bị chưa đáp ứng yêu cầu, chất lượng khám chữa bệnh ở một số cơ sở y tế vẫn chưa được nâng cao; tình trạng quá tải theo mùa vẫn còn diễn ra ở các bệnh viện trong tỉnh. Một số bệnh truyền nhiễm do thời tiết như bệnh tay, chân, miệng; sốt xuất huyết; tiêu chảy; thủy đậu, quai bị vẫn xảy ra, nhưng đa số đều được chữa trị kịp thời, không để xảy ra tử vong.

Hoạt động nghiên cứu khoa học được chuyển biến theo hướng nâng cao chất lượng; tăng tỷ lệ ứng dụng gắn với thực tiễn sản xuất và đời sống. Tập trung đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp và phát triển các sản phẩm trọng điểm có lợi thế so sánh của địa phương. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, vật liệu mới nhằm đổi mới, nâng cao hiệu quả các hoạt động trong lĩnh vực khoa học công nghệ. Triển khai kế hoạch kiểm tra đo lường, chất lượng, nhãn hàng tại các cơ sở sản xuất kinh doanh. Tổ chức tập huấn chuyển đổi từ ISO 9001:2008 sang ISO 9001:2015 cho các cơ quan hành chính của tỉnh.

Sóng thông tin di động đã phủ sóng đến 100% trung tâm các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh, đường truyền cáp quang 97% số xã; toàn tỉnh hiện có khoảng 1,2 triệu thuê bao điện thoại, 170.000 thuê bao internet, mật độ điện thoại trên toàn tỉnh là 73,8 máy/100 dân, mật độ thuê bao internet là 9,93 thuê bao/100 dân.

## **6. Cải cách hành chính được tập trung thực hiện**

Triển khai thực hiện tốt Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 27-4-2016 của Tỉnh ủy về đẩy mạnh công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 - 2020. Nhiều chương trình và hoạt động cải cách thủ tục hành chính được thực hiện nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và phục vụ nhân dân. Rà soát, đơn giản hóa các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý, giải quyết của tỉnh, ở một số lĩnh vực như: Đầu tư, đất đai, môi trường, cấp phép xây dựng, quy hoạch; hải quan, thuế, thương binh và xã hội; bảo hiểm; bảo đảm giảm hồ sơ, thủ tục, giảm khâu trung gian trong quy trình thực hiện; giảm chi phí cho tổ chức, doanh nghiệp và công dân. Triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4; đồng thời tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý các hành vi nhũng nhiễu, gây khó khăn cho người dân và doanh nghiệp.

Đã có 19/19 cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, 18/18 huyện, thị xã, thành phố đã triển khai thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế “một cửa”. Đến ngày 30/11/2019, Trung tâm Hành chính công tỉnh đã tiếp nhận 78.547 hồ sơ, đã giải quyết 73.734 hồ sơ, trong đó trước và đúng hạn 72.618 hồ sơ (98.5%) và trễ hạn 1.096 hồ sơ (1,5%).

Đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức, trọng tâm là xây dựng cơ cấu cán bộ công chức theo vị trí việc làm, đổi mới đánh giá cán bộ công chức

theo kết quả công việc, làm cơ sở để thực hiện lộ trình tinh giản biên chế theo quy định. Kiện toàn, sắp xếp các đơn vị sự nghiệp và bộ máy bên trong của các sở, ngành, địa phương theo Kế hoạch số 139-KH/TU ngày 28/02/2018 của Tỉnh ủy.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính. Đưa vào vận hành Hệ thống thông tin điện tử một cửa, kết nối liên thông tới cả 03 cấp chính quyền để theo dõi, cập nhật, thống kê, tổng hợp thông tin về tình hình, kết quả giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính của tất cả các Sở, Ban, Ngành, UBND cấp huyện, cấp xã. Thông qua các giải pháp về đổi mới phương thức theo dõi, đánh giá tình hình triển khai nhiệm vụ CCHC; đánh giá Chỉ số CCHC, Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước và chất lượng dịch vụ sự nghiệp công, công tác CCHC đã đạt nhiều kết quả đáng khích lệ trên từng lĩnh vực, đóng góp quan trọng vào thành tựu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

### **7. Công tác quốc phòng - an ninh được đảm bảo, đối ngoại được tăng cường.**

Công tác quốc phòng, quân sự địa phương của tỉnh được triển khai thực hiện chặt chẽ, đúng quy định. Thực hiện Diễn tập khu vực phòng thủ tại các huyện và tỉnh năm 2019 theo đúng kế hoạch, đạt kết quả tốt; chế độ sẵn sàng chiến đấu ở các cấp được duy trì nghiêm túc. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo; công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới, biển đảo được tăng cường; thực hiện tốt công tác phòng, chống và xử lý nghiêm các đối tượng vi phạm, không để xảy ra các điểm nóng; chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện các giải pháp trấn áp các loại tội phạm, nhất là xử lý các tụ điểm phức tạp về tệ nạn xã hội (đánh bạc, sử dụng trái phép các chất ma túy, tín dụng đen...) trên địa bàn tỉnh. Các lực lượng quân đội, công an, biên phòng thường xuyên phối hợp làm tốt công tác kiểm tra, kiểm soát địa bàn, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, góp phần đảm bảo tốt tình hình an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh.

Tập trung chỉ đạo công tác tuần tra, kiểm soát bảo đảm trật tự an toàn giao thông, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm về tải trọng, coi nới thùng xe trái phép, kiểm soát xe hết niên hạn sử dụng. Đến ngày 15/11/2019 trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 217 vụ tai nạn giao thông, làm chết 154 người, bị thương 151 người; so với cùng kỳ năm trước tai nạn giao thông giảm cả 3 tiêu chí với số vụ tai nạn giao thông giảm 20 vụ, giảm 10 người chết và giảm 11 người bị thương.

Hoạt động ngành Thanh tra có bước chuyển biến tích cực. Kết thúc 08 cuộc thanh tra năm 2018 chuyển sang và triển khai 161/122 cuộc thanh tra năm 2019 theo kế hoạch và đột xuất, đạt tỷ lệ 132%. Qua thanh tra phát hiện sai phạm hơn 123 tỷ đồng, gần 2.891.790 m<sup>2</sup> đất tại 277 đơn vị, cá nhân sai phạm/468 đơn vị, cá nhân được thanh tra. Kiến nghị thu hồi nộp vào ngân sách nhà nước hơn gần 64 tỷ đồng và 2.652.095 m<sup>2</sup> đất; kiến nghị chấn chỉnh giảm trừ quyết toán và xử lý khác hơn 59 tỷ đồng và 239.695 m<sup>2</sup> đất. Ngoài ra

đã chủ động triển khai kế hoạch thanh tra đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý ngân sách nhà nước, đất đai.

Công tác tiếp công dân tại các địa phương, đơn vị được duy trì thường xuyên. Các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn đã tổ chức tiếp hơn 11.262 lượt người, tăng 3,3% so với năm 2018. Tiếp nhận 8.663 đơn thư khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của nhân dân; tăng 10,4% so với năm trước; hạn chế đơn thư vượt cấp và không phát sinh điểm nóng. Qua giải quyết đơn thư các cấp, các ngành chú trọng tổ chức tốt công tác đối thoại nên công dân đã rút đơn đáng kể; bên cạnh đó, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong công tác quản lý, giải quyết những nguyện vọng chính đáng của nhân dân.

Thực hiện kế hoạch quảng bá xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch, thúc đẩy triển khai hiệu quả các thỏa thuận hợp tác với đối tác nước ngoài; tổ chức thành công Hội đàm và ký kết Biên bản giữa UBND tỉnh Quảng Nam và Ủy ban Chính quyền tỉnh Sê Koong (Lào); đề xuất nâng cấp cửa khẩu chính Nam Giang - Đắc Tà ọc lên cửa khẩu quốc tế; tổ chức Hội nghị quan hệ đối tác giữa tỉnh Quảng Nam với các tổ chức Phi chính phủ nước ngoài. Thực hiện quản lý nhà nước về quản lý đoàn ra, đoàn vào theo đúng quy định.

## **II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ**

1. Tăng trưởng kinh tế không đạt kế hoạch đề ra, một số lĩnh vực có tốc độ tăng chậm lại. Tái cơ cấu ngành nông nghiệp chưa tạo được chuyển biến rõ nét; liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, cánh đồng lớn, công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ còn hạn chế. Nuôi trồng thủy sản phát triển chưa bền vững, hiệu quả chưa cao. Năng suất, chất lượng khai thác gỗ từ rừng trồng còn thấp. Xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu sản phẩm nông nghiệp, hỗ trợ thị trường chưa bền vững; chất lượng nông, lâm, thủy sản chưa đáp ứng thị trường, đặc biệt thị trường xuất khẩu. Việc thu hút đầu tư vào nông nghiệp - nông thôn có những chuyển biến nhất định, nhưng vẫn còn không ít khó khăn, vướng mắc liên quan đến thủ tục về đất đai, kế hoạch sử dụng đất, thời gian thực hiện các thủ tục đầu tư còn kéo dài. Dịch tả lợn Châu phi diễn biến phức tạp, ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống và sản xuất của nhân dân.

2. Thu ngân sách chưa ổn định, một số nguồn thu đạt thấp như thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước trung ương chỉ đạt khoảng 61% so với dự toán.

3. Giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản chậm, nhiều công trình mới trong năm triển khai chậm, không đảm bảo thủ tục để được cấp vốn.

4. Số lượng doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có tăng; tuy nhiên, hơn 90% các doanh nghiệp vừa và nhỏ, nên khó khăn trong huy động vốn, chậm đổi mới công nghệ, khả năng cạnh tranh thấp. Chiến lược ngành mũi nhọn, thu hút đầu tư trong và ngoài nước đang chịu sức ép cạnh tranh với các khu kinh tế trong nước và các nước trong khu vực. Mô hình hoạt động của một số Câu lạc bộ khởi nghiệp lúng túng, thậm chí có Câu lạc bộ gần như không hoạt động và đang được hướng dẫn để kiện toàn.

5. Nguồn lực đầu tư cho giáo dục đã được quan tâm nhưng vẫn chưa đáp ứng đủ yêu cầu thực tế tại địa phương, vẫn còn nhiều cơ sở trường lớp học đang xuống cấp, thiếu dụng cụ học tập, đặc biệt là ở khu vực miền núi, vùng khó khăn.

6. Năng lực khoa học công nghệ còn hạn chế, chưa đáp ứng kịp thời thực tiễn đổi mới. Chưa tạo được mối liên kết chặt chẽ giữa giáo dục, đào tạo với nghiên cứu khoa học công nghệ và sản xuất, kinh doanh nên sản phẩm hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ chưa thực sự đi sâu vào thực tiễn đời sống sản xuất. Đầu tư của xã hội cho hoạt động khoa học và công nghệ còn thấp.

7. Chất lượng đào tạo lao động chưa cao, chưa đáp ứng được nhu cầu của xã hội và doanh nghiệp; số lượng lao động tham gia xuất khẩu lao động còn thấp so với tiềm năng lao động của tỉnh. Sự gắn kết giữa đào tạo với giải quyết việc làm, giữa đào tạo với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp chưa hiệu quả.

8. Tình hình dịch bệnh sốt xuất huyết diễn biến phức tạp, có xu hướng tăng dần, phát sinh các ổ dịch mới mặc dù đã triển khai nhiều biện pháp tích cực trong công phòng, chống bệnh sốt xuất huyết.

9. Tình hình vi phạm các quy định của Nhà nước trong lĩnh vực quản lý bảo vệ rừng, quản lý lâm sản, khoáng sản vẫn còn xảy ra, nhiều vụ vi phạm có quy mô lớn, tính chất phức tạp. Một số vụ khai thác cát trái phép trên sông, bến bãi tuy đã được ngăn chặn, xử lý kịp thời nhưng còn tiềm ẩn tái phát. Công tác giải phóng mặt bằng một số công trình, dự án vẫn còn gặp khó khăn; lấn chiếm đất đai, sử dụng đất sai mục đích vẫn còn xảy ra; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã có nhiều chuyển biến nhưng vẫn còn chậm; việc khai thác khoáng sản trái phép vẫn còn xảy ra ở một số địa phương, nhất là cát, sỏi, đất san lấp. Việc quản lý, khai thác và sử dụng đất đai, tài nguyên, khoáng sản còn lãng phí, xảy ra nhiều vi phạm. Khiếu kiện về đất đai diễn biến phức tạp.

10. Một số khu vực vẫn còn ô nhiễm môi trường, gây bức xúc trong nhân dân. Việc xử lý đối với các hành vi gây ô nhiễm môi trường chưa nghiêm và chưa kịp thời nên các vụ việc vi phạm môi trường vẫn xảy ra. Tình trạng ùn ứ rác thải, những vấn đề phát sinh trong quá trình thu gom và xử lý rác thải đã ảnh hưởng đến sinh hoạt của người dân.

11. Công tác phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh tuy đã được kiểm soát, song vẫn còn diễn biến phức tạp ở một số thời điểm và một số địa bàn. Xuất hiện một số ổ, nhóm tội phạm trộm cắp tài sản, cho vay nặng lãi, tổ chức đánh bạc hoạt động có tính chất chuyên nghiệp, diễn ra thời gian dài trên địa bàn liên huyện, liên tỉnh; đối tượng buôn bán, vận chuyển, nghiện ma túy ngày càng tăng và khó kiểm soát; các vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản với phương thức huy động vốn trả lãi suất cao xuất hiện ngày càng nhiều. Công tác giải quyết khiếu nại, đơn thư tố cáo ở một vài địa phương còn chưa quyết liệt, chưa giải quyết dứt điểm; vẫn còn tình trạng tái khiếu nại, tái tố cáo nhất là trong thời gian thực hiện chuẩn bị Đại hội Đảng các cấp.

### III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI NĂM 2019

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu HĐND	Ước thực hiện
1	Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP)	%	7-7,5	3,81
2	Thu ngân sách	Tỷ đồng	23.144	22.711
	Trong đó thu nội địa	Tỷ đồng	18.544	18.544
3	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội/GRDP	%	30	32,1
4	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	xã	13	13
5	Giảm số hộ nghèo	hộ	> 5.000	5.848
6	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	62,0	62,01
7	Số giường bệnh/một vạn dân	Giường/ vạn dân	37	37
8	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (thể nhẹ cân)	%	<11	10,8
9	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	93	94
10	Tỷ lệ che phủ rừng	%	57,7	59
11	Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh	%	93,8	93,8
12	Tỷ lệ dân số đô thị sử dụng nước sạch	%	77	78
13	Tỷ lệ chất thải rắn đô thị được thu gom	%	90	90
14	Tỷ lệ công dân gọi nhập ngũ	%	100	100

### IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Năm 2019, UBND tỉnh đã quyết liệt chỉ đạo các Sở, ngành, địa phương triển khai đồng bộ các nhóm giải pháp, tập trung phấn đấu thực hiện các mục tiêu, kế hoạch đã đề ra. Đã đồng hành với doanh nghiệp, tập trung tháo gỡ những khó khăn, giảm thời gian và chi phí cho doanh nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư. Công tác đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng được chú trọng; kiểm soát nợ công chặt chẽ; an sinh xã hội tiếp tục được quan tâm, đời sống nhân dân tiếp tục được cải thiện; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo. Các Nghị quyết của HĐND tỉnh được triển khai thực hiện nghiêm túc, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội tại địa phương.

So với 14 chỉ tiêu theo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh đề ra, trong năm 2019, có 13/14 chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch; chỉ tiêu về kinh tế chưa đạt là tốc độ tăng tổng sản phẩm (GRDP) trên địa bàn. Nguyên nhân chưa đạt ngoài lý do khách quan đã nêu trên, có một phần là do năng lực dự báo chưa sát

thực tế, trách nhiệm điều hành của các cấp, các ngành còn có mặt hạn chế; việc chỉ đạo, điều hành ở một số khâu, lĩnh vực, một số việc có lúc chưa kịp thời, mạnh mẽ và quyết liệt. Trong bối cảnh phải đối mặt nhiều khó khăn, thách thức, những kết quả đạt được trong năm 2019 là hết sức quan trọng, để hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2016-2020) theo Nghị quyết số 177/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của HĐND tỉnh, cần tiếp tục nỗ lực phấn đấu nhiều hơn trong năm 2020.

## **Phần thứ hai**

### **ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2020**

#### **I. DỰ BÁO BỐI CẢNH THẾ GIỚI VÀ TRONG NƯỚC**

##### **1. Bối cảnh thế giới và trong nước**

Năm 2020, tình hình chính trị, kinh tế thế giới được dự báo diễn biến phức tạp, khó lường, tiềm ẩn nguy cơ bất ổn; kinh tế tiếp tục phục hồi; cách mạng công nghiệp lần thứ tư tiếp tục phát triển mạnh mẽ, cạnh tranh kinh tế ngày càng quyết liệt.

Trong nước, nền kinh tế tiếp tục hội nhập ngày càng sâu rộng, chuẩn bị thực thi nhiều hiệp định thương mại tự do (FTA) mới, CPTPP và Hiệp định Thương mại tự do và Hiệp định bảo hộ đầu tư giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EVFTA và IPA). Các cân đối vĩ mô duy trì ổn định nhưng chất lượng tăng trưởng, sức cạnh tranh của nền kinh tế còn yếu, tăng năng suất lao động chưa trở thành động lực chính cho tăng trưởng kinh tế; trong khi đó dưới tác động mạnh mẽ của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, các yếu tố lợi thế vốn có như lao động, tài nguyên thiên nhiên đang dần mất đi, đã và đang là những thách thức đối với nền kinh tế cả nước.

##### **2. Thuận lợi và khó khăn của tỉnh**

Tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh có một số thuận lợi như: Năng lực sản xuất của nhiều ngành kinh tế đã chuyển biến tích cực hơn, xu hướng nền kinh tế chuyển dịch dần sang lĩnh vực dịch vụ; các giải pháp hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp phát triển sản xuất, kinh doanh phát huy được hiệu quả. Kết cấu hạ tầng được quan tâm đầu tư ngày càng hoàn thiện, đặc biệt là hạ tầng giao thông; trong đó tiếp tục đẩy nhanh thực hiện các dự án trọng điểm, các công trình chào mừng Đại hội Đảng các cấp và Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XXII, nhiệm kỳ (2020-2025). Tình hình an ninh, chính trị xã hội ổn định, đời sống nhân dân được cải thiện là điều kiện thuận lợi để triển khai thực hiện thắng lợi các Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh.

Tuy nhiên, tỉnh ta cũng đối mặt với những khó khăn và thách thức, đó là tiềm ẩn tình hình an ninh - chính trị phức tạp như tụ tập khiêu khích, khiêu khích đông người liên quan đến các vấn đề đất đai, ô nhiễm môi trường... Hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội chưa đồng bộ; chất lượng nguồn nhân lực, năng suất lao động còn thấp; trình độ công nghệ, năng lực quản trị kinh doanh các doanh nghiệp còn hạn chế, chủ yếu doanh nghiệp



nhỏ; thách thức ứng phó với biến đổi khí hậu theo chiều hướng khắc nghiệt, thiên tai, dịch bệnh vẫn còn tiềm ẩn nhiều rủi ro ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống dân cư. Sự cạnh tranh khốc liệt của các doanh nghiệp ô tô trong khu vực ASEAN và ngay chính trong nước, tác động, ảnh hưởng lớn đến nguồn thu ngân sách của tỉnh.

## **II. NHIỆM VỤ VÀ CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH NĂM 2020**

### **1. Nhiệm vụ chủ yếu**

Đánh giá sát đúng tình hình phát triển kinh tế - xã hội hiện nay, nhất là chỉ tiêu tăng tổng sản phẩm (GRDP) trên địa bàn để dự báo và đề ra kế hoạch phát triển, cơ cấu lại kinh tế phù hợp với tình hình. Quá trình cơ cấu lại kinh tế của tỉnh phải sát thực, gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng phân bổ và sử dụng nguồn lực xã hội chủ yếu; nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực xã hội, nâng cao năng suất lao động nhằm nâng cao chất lượng tăng trưởng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế; chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển song song ngành công nghiệp và dịch vụ, chú trọng phát triển ngành dịch vụ có điều kiện, có tiềm năng, lợi thế so sánh và giá trị gia tăng cao.

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện ba nhiệm vụ đột phá chiến lược, phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, cải thiện môi trường đầu tư và phát triển nguồn nhân lực; thực hiện hiệu quả cơ cấu nền kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh. Tập trung phát triển dịch vụ, du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Bảo đảm môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, khuyến khích khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, tận dụng hiệu quả Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Tạo mọi điều kiện thuận lợi đẩy nhanh triển khai các dự án trọng điểm chào mừng Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XXII theo tiến độ đề ra. Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai; tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế, phát triển văn hóa, bảo đảm an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống của người dân. Đẩy mạnh cải cách hành chính, tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế; tăng cường kỷ luật, kỷ cương, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Củng cố quốc phòng, an ninh; bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế.

### **2. Các chỉ tiêu chủ yếu**

#### **2.1. Các chỉ tiêu về kinh tế**

- Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) tăng khoảng 7-7,3% so với năm 2019 (cả nước tăng 6,6-6,8%);
- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội chiếm trên 30,2% GRDP (cả nước khoảng 33-34%);
- Thu nội địa tăng hơn 10,7% so với năm 2019;
- Phấn đấu đạt thêm 21 xã nông thôn mới.

## **2.2. Các chỉ tiêu về xã hội**

- Giảm 2.500 - 3.000 hộ nghèo, tương ứng với mức giảm tỷ lệ hộ nghèo 0,6-0,8% (cả nước giảm 1,0- 1,5%)
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 65% (cả nước 65%);
- Số giường bệnh trên một vạn dân (không tính giường trạm y tế xã) đạt 38 giường/vạn dân (cả nước 28 giường);
- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy sinh dưỡng thể nhẹ cân còn dưới 10%;
- Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 95% (cả nước 90,7%).

## **2.3. Các chỉ tiêu về môi trường**

- Tỷ lệ che phủ rừng đạt 59,3% (cả nước 42%);
- Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh 95%;
- Tỷ lệ dân số đô thị sử dụng nước sạch 80%;
- Tỷ lệ chất thải rắn đô thị được thu gom 95%.

# **III. DỰ KIẾN CÂN ĐỐI LỚN TRONG NĂM 2020**

## **1. Khả năng cân đối ngân sách**

Tổng thu cân đối ngân sách nhà nước năm 2020 dự kiến 25.774 tỷ đồng tăng 13,5%, trong đó thu nội địa 20.524 tỷ đồng, tăng 10,7% so với ước thực hiện năm 2019, thu xuất nhập khẩu 5.250 tỷ đồng, tăng 26%. Tổng chi cân đối ngân sách địa phương 26.287 tỷ đồng, tăng 13,7% so với dự toán năm 2019.

## **2. Dự báo cân đối vốn đầu tư phát triển**

Tổng vốn đầu tư toàn xã hội dự kiến 33.000 tỷ đồng, chiếm khoảng 30,6% tổng sản phẩm trong tỉnh, tăng hơn 5,52% so với ước thực hiện năm 2019. Dự kiến huy động các nguồn vốn như sau:

- Nguồn vốn ngân sách Trung ương đầu tư trên địa bàn tỉnh hơn 2.500 tỷ đồng; chiếm tỷ lệ 7,58%.
- Ngân sách địa phương quản lý gần 8.000 tỷ đồng, chiếm 24,24%.
- Nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài khoảng 6.000 tỷ đồng, chiếm hơn 18,18%.
- Nguồn vốn đầu tư của doanh nghiệp ngoài nhà nước và nhân dân khoảng 18.000 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 50,0%.

## **3. Lao động việc làm**

- Giải quyết việc làm mới tăng thêm trong nền kinh tế của tỉnh khoảng 15.000 người; đưa khoảng 1.800 lao động đi làm việc theo hợp đồng ở nước ngoài.
- Tỷ lệ lao động trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp dưới 40%; công nghiệp - xây dựng và dịch vụ khoảng 60%.

## IV. ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NGÀNH, LĨNH VỰC

### 1. Về phát triển kinh tế

Hình thành và phát triển cơ cấu kinh tế hợp lý, bền vững; điều chỉnh cơ cấu nội bộ ngành, lĩnh vực theo hướng chú trọng ưu tiên phát triển những ngành, lĩnh vực có tính đột phá, tác động lan tỏa tới các ngành, lĩnh vực khác. Giữ vững tỷ trọng cơ cấu ngành công nghiệp như hiện nay, tăng mạnh tỷ trọng cơ cấu các ngành dịch vụ, giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp nhưng gia tăng quy mô và tốc độ phát triển.

*Đối với ngành công nghiệp:* Thực hiện đồng bộ các giải pháp tháo gỡ khó khăn, tạo thuận lợi cho các cơ sở sản xuất công nghiệp, nhất là các cơ sở công nghiệp mới hoàn thành đưa vào sản xuất. Tập trung xúc tiến, triển khai các nhóm dự án ngành công nghiệp thuộc vùng Đông Nam của tỉnh, kịp thời tháo gỡ khó khăn, đưa các dự án trọng điểm đi vào hoạt động. Tiếp tục tăng cường đầu tư vào hạ tầng các khu, cụm công nghiệp, trong đó trọng tâm phát triển là Khu Kinh tế mở Chu Lai và các khu công nghiệp hiện có. Áp dụng công nghệ hiện đại để tăng năng suất và giá trị cho từng sản phẩm công nghiệp. Bên cạnh đó đảm bảo việc sử dụng hiệu quả tài nguyên và giảm thiểu tác động tiêu cực từ các hoạt động công nghiệp ảnh hưởng đến môi trường.

Trên cơ sở yêu cầu phát triển tỉnh công nghiệp và căn cứ Chiến lược phát triển công nghiệp Việt Nam đến 2025, tầm nhìn đến 2035, tiếp tục tập trung phát triển 3 nhóm ngành công nghiệp: Chế biến, chế tạo; Điện tử và viễn thông; Năng lượng mới và năng lượng tái tạo. Trong đó, đối với ngành chế biến chế tạo, là ngành công nghiệp có tỷ lệ hơn 80% trong giá trị sản xuất toàn ngành của tỉnh. Tập trung phát triển các nhóm ngành chủ lực có lợi thế như: Sản xuất và lắp ráp ô tô; dệt may - da giày; chế biến nông - lâm - thủy sản, thực phẩm, thức uống; sản xuất linh kiện. Ưu tiên phát triển công nghiệp chế tạo và công nghiệp hỗ trợ phục vụ các ngành công nghiệp chủ lực.

Chuyển dịch nội bộ ngành công nghiệp nhằm giảm tỷ trọng ngành gia công, chế biến sử dụng đầu vào nhập khẩu, có giá trị gia tăng thấp. Tăng dần tỷ trọng các ngành công nghiệp có giá trị gia tăng cao thông qua lựa chọn, thu hút các dự án FDI. Hạn chế phát triển các ngành khai thác, giảm tỷ trọng sử dụng nhiều yếu tố đầu vào tài nguyên.

Phấn đấu thúc đẩy hoàn thành 03 dự án thủy điện lớn đưa vào khai thác hoạt động trong năm 2020 như Sông Tranh 4 (48MW); Đăk Mi 2 (98MW); Tr'Hy (30MW) và 04 dự án FDI với tổng số vốn gần 220 triệu USD, 11 dự án đầu tư trong nước với tổng mức đầu tư 1.080 tỷ đồng thuộc lĩnh vực công nghiệp sẽ góp phần thúc đẩy tăng trưởng khu vực công nghiệp<sup>22</sup>.

<sup>22</sup> Dự án FDI: Nhà máy sản xuất vải màn hình (Công ty TNHH Hyosung Việt Nam: 210 tr.USD), Mở rộng Nhà máy sản xuất, gia công hàng may mặc Vast Apparel Việt Nam (Công ty TNHH MTV Vast Apparel Việt Nam: 4,6 tr.USD), Nhà máy sản xuất viên nén gỗ (Công ty TNHH liên doanh Nguyên liệu giấy Quảng Nam: 2,2 tr.USD), Nhà máy sản xuất bọc ghế sofa (Công ty TNHH dệt may EDWARD – Việt Nam: 02 tr.USD); Dự án đầu tư trong nước: Nhà máy sản xuất viên ghép thanh và viên nén năng lượng (Công ty TNHH MTV

*Đối với ngành thương mại - dịch vụ:* Phát triển các ngành dịch vụ phục vụ cho sản xuất công nghiệp như dịch vụ tài chính, ngân hàng; dịch vụ vận tải, bưu chính viễn thông, logistic. Phát triển các loại hình du lịch, đặc biệt là thu hút các dự án du lịch cao cấp khu vực ven biển. Tập trung phát triển du lịch, thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Nâng cao chất lượng, đa dạng hóa các sản phẩm, dịch vụ du lịch; phát triển nhân lực ngành du lịch; tăng cường xúc tiến, khuyến khích xã hội hóa đầu tư xây dựng hạ tầng phục vụ du lịch, chú ý phát triển du lịch văn hóa và sinh thái mà trung tâm lan tỏa là hai di sản văn hóa thế giới Mỹ Sơn và Hội An; tổ chức quản lý phát huy các tour du lịch đến thăm viếng Tượng đài Mẹ Việt Nam Anh hùng, liên kết với các tour du lịch khu vực ven biển phía Nam và Hồ Phú Ninh. Kết nối phát triển du lịch với phát triển các ngành tiểu thủ công nghiệp, làng nghề và khu vực nông thôn.

Tiếp tục đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng du lịch, đặc biệt là tại các khu du lịch, điểm du lịch ven biển thuộc Hội An, Điện Bàn, Tam Kỳ, Núi Thành. Xúc tiến đầu tư nâng cấp khai thác sân bay Chu Lai; phát triển du lịch biển, đảo; du lịch sinh thái Cù Lao Chàm, Hồ Phú Ninh, du lịch văn hoá, du lịch cộng đồng. Lòng ghép các chương trình tôn tạo, bảo vệ và phát huy các di sản, di tích; khôi phục, phát triển các làng nghề và bảo vệ môi trường. Đẩy mạnh các hoạt động quảng bá, xúc tiến du lịch trong và ngoài nước.

Dự kiến các dự án lớn được đầu tư trong lĩnh vực thương mại – dịch vụ, du lịch nghỉ dưỡng cao cấp như dự án khách sạn 5 sao Casino Hoiana (tổng mức đầu tư khoảng 1 tỷ USD), Khu nghỉ dưỡng cao cấp Đông Bắc huyện Tây Giang, khu du lịch sinh thái Cổng trời, Đông Giang và 04 dự án đầu tư trong nước với tổng mức đầu tư 1.026 tỷ đồng dự kiến bắt đầu đi vào hoạt động từ năm 2020 sẽ góp phần thúc đẩy tăng trưởng khu vực thương mại - dịch vụ<sup>23</sup>.

*Đối với ngành nông nghiệp:* Đẩy mạnh triển khai các nhiệm vụ kế hoạch hành động tái cơ cấu ngành, trong đó tăng cường tổ chức lại sản xuất thông qua các hình thức hợp tác, liên kết với các doanh nghiệp, tổ chức hợp tác xã, tổ hợp tác; đưa nhanh cơ giới hoá vào sản xuất; đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng, sản phẩm phù hợp với lợi thế, nhu cầu thị trường và thích

---

Hào Hung Hiệp Đức: 536 tỷ đồng), Nhà máy sàng tuyển cát nguyên liệu CFG (Công ty Cổ phần Kinh nổi Chu Lai – CFG: 208 tỷ đồng), Nhà máy chế biến dược liệu sâm sâm (Công ty TNHH Sâm Sâm: 100 tỷ), Nhà máy sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ (Công ty TNHH Hoàng Huy Hưng: 50 tỷ đồng), Nhà máy chế biến cao su Hiệp Đức (Công ty TNHH MTV cao su Quảng nam: 40,74 tỷ đồng), Phát triển vùng nguyên liệu gỗ lớn trên địa bàn huyện Phước Sơn (Công ty CP ĐTPT lâm nghiệp Quảng Nam: 35,35 tỷ đồng), Nhà máy may NAHY (Công ty CP NAHY Quảng Nam: 33 tỷ đồng), Nhà máy sản xuất gạch không nung (Công ty CP Quý Tín - Đại Việt: 27,36), Trung tâm sản xuất giống nông, lâm công nghệ cao (Công ty CP gỗ công nghiệp Quảng Nam: 25 tỷ đồng), Nhà máy sản xuất đồ gỗ Âu Lạc Decor (Công ty TNHH Âu Lạc Deco: 07 tỷ đồng), Nhà máy sản xuất thức ăn bổ sung và chất xử lý cải tạo môi trường nuôi trồng thủy sản (Công ty TNHH Dinh dưỡng thủy sản Bio Vina: 05 tỷ đồng)

<sup>23</sup> Khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp như dự án khách sạn 5 sao Casino Nam Hội An (Công ty TNHH Phát triển Nam Hội An: 01 tỷ USD), Khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp (Công ty TNHH phát triển đô thị Bắc Hội An: 780 tỷ đồng), Khu du lịch sinh thái Cổng Trời, Đông Giang (Công ty CP khu du lịch sinh thái Hang Gộp: 400 tỷ đồng), Khu nghỉ dưỡng cao cấp Đông Bắc huyện Tây Giang (Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Việt Sip: 188 tỷ đồng), Khu du lịch sinh thái làng quê Vĩnh Hưng- Cẩm Kim (Công ty TNHH Du lịch- Dịch vụ và Thương mại Vĩnh Hưng: 46,6 tỷ đồng), Khu trung tâm thương mại và dịch vụ Duyên Hoa (Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ vận tải Duyên Hoa: 10 tỷ đồng).

ứng với biến đổi khí hậu; khuyến khích phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, đẩy mạnh áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật. Chú trọng đầu tư phát triển ngành công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản nhằm nâng cao giá trị gia tăng; chuyển dịch cơ cấu ngành, nâng tỷ trọng lâm nghiệp, thủy sản và chăn nuôi. Nâng cao chất lượng đào tạo nghề và xây dựng chương trình đào tạo nghề nông thôn gắn với các sản phẩm chủ lực và mục tiêu tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Từng bước hoàn thiện hạ tầng Cảng cá Tam Quang, các khu neo đậu tàu, thuyền và phát triển hậu cần nghề cá. Tập trung xúc tiến, triển khai các nhóm dự án nâng cao hiệu quả kinh tế rừng, khai thác sản phẩm dưới tán rừng thuộc vùng Tây của tỉnh. Thực hiện đầy đủ các chính sách của Chính phủ về đóng mới, cải hoán tàu thuyền, hỗ trợ bảo hiểm tàu và thuyền viên, hỗ trợ tín dụng, phát triển dịch vụ hậu cần phục vụ ngư dân đánh bắt dài ngày trên biển, ưu tiên đóng mới, cải hoán tàu cá có công suất trên 800CV khai thác xa bờ.

Nâng cao hiệu quả các công trình thủy lợi, phòng chống thiên tai, chủ động xây dựng các phương án chống hạn, đảm bảo nước tưới và chống nhiễm mặn. Phát triển sản xuất các loại giống cây trồng có chất lượng cao, phù hợp với điều kiện từng vùng. Mở rộng các mô hình chăn nuôi theo hướng tập trung trang trại, gia trại, gắn với chế biến và xử lý môi trường, phát triển chăn nuôi liên kết theo chuỗi giá trị gắn với thương hiệu, đảm bảo chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm; giám sát và kiểm soát dịch bệnh hiệu quả, quản lý chặt chẽ việc sử dụng thuốc thú y và chất cấm trong chăn nuôi. Chú trọng công tác thông tin cho người dân về tình hình cung cầu, giá cả thị trường để người dân, doanh nghiệp chủ động cân đối kế hoạch hợp lý; đồng thời chủ động mở rộng thị trường tiêu thụ, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu.

Phát triển lâm nghiệp đa chức năng, mô hình nông lâm kết hợp, trồng rừng gỗ lớn, gỗ quý và lâm sản ngoài gỗ, nhất là các loại dược liệu dưới tán rừng; thực hiện nghiêm chủ trương đóng cửa rừng tự nhiên; bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ cảnh quan, môi trường sinh thái gắn với phát triển du lịch sinh thái. Chủ động bảo vệ, phòng cháy chữa cháy rừng, góp phần ổn định, giữ vững độ che phủ rừng 59,3%.

Tiếp tục thực hiện quyết liệt, toàn diện Chương trình xây dựng nông thôn mới, đảm bảo tính bền vững, phấn đấu tăng về số xã, đồng thời nâng cao chất lượng của các tiêu chí; chú trọng nâng cao hiệu quả sản xuất, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh ở nông thôn; tiếp tục rà soát lại các xã đạt tiêu chí nông thôn mới để củng cố, bảo đảm tính bền vững của các tiêu chí. Xây dựng mô hình Khu dân cư kiểu mẫu, xã nông thôn mới kiểu mẫu. Phấn đấu năm 2020 có thêm 21 xã đạt chuẩn nông thôn mới.

## **2. Về hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và hợp tác xã, thúc đẩy sản xuất kinh doanh**

Thực hiện tốt công tác giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư, thu hồi đất, giao đất cho các nhà đầu tư để triển khai dự án. Triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của

Chính phủ và các quỹ về bảo lãnh tín dụng, phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Thúc đẩy xã hội hóa đầu tư vào các lĩnh vực văn hóa, y tế, giáo dục, dạy nghề, thể thao và môi trường theo Nghị định 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ. Tổ chức gặp gỡ, đối thoại với doanh nghiệp nhằm kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp trong quá trình hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh. Cung cấp thông tin hỗ trợ doanh nghiệp, hỗ trợ đào tạo lao động, tiếp cận và ổn định trong sử dụng đất đai, vốn nhằm tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển; tổ chức đối thoại công khai định kỳ với cộng đồng doanh nghiệp ít nhất 1 lần/tháng. Xây dựng Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, tham gia cụm liên kết, chuỗi giá trị.

Chú trọng hỗ trợ doanh nghiệp phát triển thị trường xuất khẩu nhất là đối với một số mặt hàng chủ lực của tỉnh như: Hàng dệt may, giày da, vận tải và phụ tùng, sản phẩm sắt thép, linh kiện điện tử, thủy sản, sản phẩm gỗ, nguyên liệu giấy, hàng nông sản. Chú trọng thị trường nội địa, hỗ trợ các doanh nghiệp tiêu thụ các sản phẩm, hàng tồn kho, phát triển hàng hóa về nông thôn.

Khuyến khích phát triển các thành phần kinh tế và hình thức tổ chức kinh doanh. Năm 2020, phấn đấu phát triển thêm khoảng 1.580 doanh nghiệp, nâng tổng số doanh nghiệp hoạt động lên hơn 9.000 doanh nghiệp; phát triển thêm 30 hợp tác xã, nâng số hợp tác xã hoạt động lên 326 hợp tác xã; xử lý dứt điểm và tiến hành giải thể các hợp tác xã yếu kém, ngừng hoạt động. Triển khai phương án chuyển đổi mô hình hợp tác xã thích ứng với yêu cầu mới, cung cấp các dịch vụ cho kinh tế hộ phát triển.

### **3. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả ba nhiệm vụ đột phát, chiến lược, về phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ; cải thiện môi trường đầu tư và phát triển nguồn nhân lực**

Huy động các nguồn lực, đảm bảo tổng vốn đầu tư toàn xã hội chiếm khoảng 30% tổng sản phẩm trong tỉnh; sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn vốn từ ngân sách nhà nước; kiểm soát nợ xây dựng cơ bản.

Tiếp tục phát triển, khớp nối hạ tầng giao thông thông suốt, kết nối các tuyến giao thông chính giữa cao tốc với quốc lộ và tỉnh lộ, giữa các tuyến đường huyện (ĐH) và đường tỉnh (ĐT); liên kết các tuyến ven biển. Đẩy nhanh tiến độ, hoàn thành các hồ sơ thủ tục để khởi công (hoặc hoàn thành) các dự án trọng điểm chào mừng Đại hội Đảng các cấp và Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XXII, nhiệm kỳ (2020-2025) như: Bệnh viện đa khu vực tỉnh Quảng Nam, Kho lưu trữ tỉnh... Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 và kế hoạch đầu tư công năm 2020.

Sớm hoàn thành đưa vào sử dụng các trục giao thông quan trọng như: Đường quốc lộ 40B đoạn Tam Kỳ - Tiên Phước; đường Hùng Vương - Tam Kỳ; triển khai dự án liên kết vùng. Tập trung giải quyết các vướng mắc để các

dự án ODA được triển khai thực hiện theo cam kết với nhà tài trợ; đảm bảo tiến độ giải ngân nguồn vốn ODA theo kế hoạch vốn bố trí. Tích cực làm việc với các Bộ, ngành Trung ương, các tổ chức quốc tế, các nhà tài trợ để vận động, kêu gọi, thu hút các dự án đầu tư. Hoàn thiện các thủ tục chuẩn bị dự án ODA đang vận động với ADB, WB, tạo điều kiện để triển khai xúc tiến các dự án ODA về xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu; khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội. Ưu tiên tăng nguồn vốn đầu tư phát triển ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế. Từng bước giải quyết một phần tình trạng thiếu nhà ở và các hạ tầng xã hội thiết yếu như nhà trẻ, mẫu giáo, trường học, cơ sở khám chữa bệnh cho lao động tại các khu công nghiệp trong Khu Kinh tế mở Chu Lai, Điện Nam-Điện Ngọc và các khu công nghiệp hiện có.

Rà soát việc triển khai thực hiện các dự án đầu tư đã được giao đất, có biện pháp xử lý phù hợp đối với các dự án đầu tư xây dựng sai quy hoạch; kiên quyết thu hồi hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền thu hồi đất đối với những dự án đầu tư không triển khai hoặc triển khai chậm so với quy định. Khuyến khích và tạo điều kiện cho hoạt động giám sát của cộng đồng đối với các dự án đầu tư công.

Tiếp tục thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, Văn bản chỉ đạo, đôn đốc của Chính phủ, UBND tỉnh về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công; xử lý trách nhiệm các tập thể, cá nhân và các chủ đầu tư để xảy ra chậm tiến độ thực hiện và giải ngân vốn của các công trình, dự án. Kiểm tra, rà soát các khoản tạm ứng xây dựng cơ bản để xử lý, giải quyết dứt điểm, không để tình trạng dư nợ tạm ứng kéo dài. Thực hiện triệt để tiết kiệm trong đầu tư phát triển. Triển khai thực hiện phân cấp cho các địa phương kết hợp với kiểm soát chặt chẽ phạm vi, quy mô của từng dự án. Tăng cường thanh tra, kiểm tra các công trình, dự án.

Tiếp tục rà soát, đơn giản hóa các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý, giải quyết của tỉnh, ở một số lĩnh vực như: Đầu tư, đất đai, môi trường, cấp phép xây dựng, quy hoạch, hải quan, thuế, thương binh và xã hội, bảo hiểm. Triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý các hành vi nhũng nhiễu, gây khó khăn cho người dân và doanh nghiệp. Kịp thời rà soát các chỉ tiêu thành phần, có giải pháp khắc phục để nâng cao chỉ số hài lòng của tổ chức, người dân và doanh nghiệp đối với bộ máy hành chính; tiếp tục cải thiện chỉ số cạnh tranh cấp tỉnh.

Rà soát, lựa chọn, đầu tư nâng cấp một số cơ sở đào tạo; đẩy mạnh xã hội hoá công tác đào tạo nghề; xây dựng cơ chế hỗ trợ thu hút học sinh tốt nghiệp phổ thông vào học tại các cơ sở dạy nghề. Thực hiện chương trình đào tạo gắn với giải quyết việc làm, ưu tiên đào tạo nghề cho lao động nông thôn phù hợp với nhu cầu thực tế, có trọng tâm. Liên kết có hiệu quả giữa các cơ sở đào tạo với các doanh nghiệp trong đào tạo và sử dụng lao động sau đào

tạo. Tăng cường đào tạo kỹ năng chuyên sâu, tăng thời gian thực hành cho học viên.

Khuyến khích phát triển ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động như giày da, may mặc để sử dụng lao động phổ thông. Rà soát, thu hút, phân bố các ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động phổ thông về khu vực nông thôn, miền núi, các cụm công nghiệp, nhằm tạo việc làm lao động nông thôn.

#### **4. Về huy động nguồn lực và bố trí nguồn vốn cho đầu tư phát triển**

Đẩy mạnh và đa dạng hoá các hình thức huy động và tạo nguồn vốn cho đầu tư phát triển, đặc biệt là huy động của các tập đoàn doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp nước ngoài bằng nhiều hình thức thích hợp.

Thực hiện đấu giá, đấu thầu quyền sử dụng đất đối với dự án đầu tư sử dụng các khu đất, quỹ đất có giá trị thương mại cao, các dự án đầu tư phát triển nhà ở, tạo nguồn thu đầu tư kết cấu hạ tầng của tỉnh.

Khuyến khích các doanh nghiệp phát triển sản xuất, đổi mới công nghệ, phát triển công nghiệp chế biến, sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, đào tạo lao động, phát triển nguồn nhân lực, bảo vệ môi trường sinh thái. Chú trọng phát triển kết cấu hạ tầng đô thị. Tranh thủ tối đa thu hút và sử dụng hiệu quả nguồn vốn ODA, đồng thời, ưu tiên ngân sách, đảm bảo đối ứng kịp thời, đầy đủ theo cam kết. Đối với những dự án trọng điểm, mang tính đột phá, có sức lan tỏa cao và bền vững, cần tập trung đầu tư dứt điểm để đưa vào sử dụng tạo động lực thúc đẩy phát triển.

Tăng cường kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ việc kê khai nộp thuế; đồng thời, xây dựng dự toán thu sát với thực tế, nhất là thu tiền sử dụng đất, thu nợ tiền sử dụng đất, thu phát sinh kinh tế, thu thuế xuất nhập khẩu. Kiên quyết thu hồi các khoản nợ tạm ứng, nợ thuế. Tổ chức làm việc, vận động với các doanh nghiệp có dự án khai thác, vận hành trên địa bàn tỉnh thành lập pháp nhân, kê khai thuế trên địa bàn tỉnh. Triển khai quyết liệt các giải pháp chống thất thu ngân sách, nhất là các khoản thu liên quan đến các doanh nghiệp vắng lai, xăng dầu, lĩnh vực đất đai, tài nguyên khoáng sản; kiên quyết đấu tranh với các loại tội phạm lợi dụng chính sách pháp luật có hành vi trốn thuế, gian lận hoàn thuế.

#### **5. Về phát triển các lĩnh vực văn hóa - xã hội**

Chuẩn bị triển khai các hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm 2020: Kỷ niệm 90 năm thành lập Đảng bộ tỉnh, kỷ niệm 45 năm ngày giải phóng quê hương, kỷ niệm 60 năm kết nghĩa Quảng Nam - Thanh Hóa và các hoạt động liên quan đến Đại hội Đảng bộ các cấp. Triển khai việc sắp xếp tổ chức, bộ máy ngành giáo dục và đào tạo; mạng lưới giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh, hoàn chỉnh Đề án sắp xếp cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 25/4/2017 của Tỉnh ủy về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo tỉnh đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025”.



Đẩy mạnh huy động các nguồn lực đầu tư cơ sở hạ tầng, thiết bị dạy - học, phục vụ đổi mới chương trình, nội dung và phương pháp giảng dạy. Thực hiện tốt công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, đạt chỉ tiêu đề ra, thực hiện tốt Đề án sửa học đường cải thiện tình trạng dinh dưỡng góp phần nâng cao tầm vóc trẻ mầm non và học sinh tiểu học trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2020 - 2025.

Xây dựng mối quan hệ phối hợp giữa các trường phổ thông, các trường dạy nghề, trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học trên địa bàn tỉnh, góp phần đáp ứng nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của tỉnh và khu vực.

Tiếp tục chương trình đầu tư nâng cấp các bệnh viện tuyến tỉnh, huyện, trạm y tế các xã. Chú trọng thực hiện chính sách khám chữa bệnh cho người nghèo, cho trẻ em và các trường hợp chính sách xã hội khác. Triển khai thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch bệnh nguy hiểm có nguy cơ cao xảy ra ở người.

Thực hiện Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011-2020; các chương trình quốc gia về khoa học và công nghệ và các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, xác lập, bảo vệ và khai thác quyền sở hữu trí tuệ. Đẩy mạnh chuyên gia kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ trong phát triển sản xuất, nhất là sản xuất, chế biến, bảo quản các sản phẩm nông nghiệp và phát triển nông thôn. Chú trọng áp dụng công nghệ trong phát triển giống lúa lai, sâm Ngọc Linh và các cây dược liệu trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ ưu đãi người có công cách mạng, thanh niên xung phong, trợ cấp, bảo hiểm xã hội. Đẩy nhanh việc giải quyết các trường hợp tồn đọng về công nhận người có công và các trường hợp công nhận mới. Tu bổ, nâng cấp các nghĩa trang liệt sỹ, tổ chức thực hiện tốt các hoạt động đền ơn đáp nghĩa.

Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết 02-NQ/TU ngày 27/4/2016 của Tỉnh ủy về giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020. Tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện tốt các chính sách, chương trình, dự án về giảm nghèo nhằm thực hiện đạt chỉ tiêu giảm nghèo, hạn chế tái nghèo; tạo điều kiện để người dân thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận một cách tốt nhất các dịch vụ xã hội cơ bản; thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; nhân rộng các mô hình giảm nghèo, an sinh xã hội có hiệu quả, nâng mức sống cho các hộ nghèo thuộc diện bảo trợ xã hội.

Đẩy mạnh phát triển phong trào thể dục thể thao, chú trọng các môn thể thao tinh có thể mạnh. Phấn đấu đạt thứ hạng cao trong các giải đấu quốc gia, khu vực và quốc tế. Khuyến khích đầu tư phát triển trung tâm thể dục, thể thao tư nhân.

## **6. Phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi**

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết 05-NQ/TU ngày 17/8/2016 của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế - xã hội miền núi giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025. Tập trung triển khai thực hiện các nội dung về sắp xếp dân cư,

trồng rừng gỗ lớn và quản lý bảo vệ rừng, phát triển chăn nuôi tập trung, phát triển hạ tầng du lịch miền núi, chương trình mỗi xã một sản phẩm, phát triển hạ tầng giao thông gắn với vùng nguyên liệu; các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về phát triển nông thôn, miền núi, đặc biệt là phát triển kết cấu hạ tầng về chợ, nước sạch, hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn, đầu tư kênh mương, thủy lợi, giao thông nông thôn...

Thực hiện chương trình đào tạo gắn với giải quyết việc làm, ưu tiên đào tạo nghề cho lao động nông thôn phù hợp với nhu cầu thực tế, có trọng tâm. Tiếp tục triển khai đào tạo nguồn nhân lực cho vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số gắn với giải quyết việc làm tại khu, cụm công nghiệp ở các huyện đồng bằng; thu hút, khuyến khích và có chính sách hỗ trợ để cho các doanh nghiệp phát triển, mở rộng sản xuất tại vùng miền núi góp phần giải quyết việc làm, chuyển dịch cơ cấu lao động, thực hiện tốt chính sách giảm nghèo nhanh và bền vững.

Đẩy mạnh công tác bố trí sắp xếp dân cư tập trung, gắn sản xuất với ổn định dân cư, xây dựng kết cấu hạ tầng thiết yếu, “khu dân cư kiểu mẫu” ở khu vực miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tập trung phát triển cây công nghiệp, cây nguyên liệu, cây dược liệu, cây ăn quả và một số cây bản địa có giá trị kinh tế cao phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng của từng địa phương. Khuyến khích phát triển các loại hình du lịch sinh thái, văn hóa, lịch sử, cộng đồng, du lịch làng nghề truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số. Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, phát triển sản xuất gắn với xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững; đảm bảo an ninh quốc phòng, an ninh biên giới, trật tự an toàn xã hội.

Đẩy mạnh xã hội hoá công tác đào tạo nghề. Tiếp tục hỗ trợ đào tạo xuất khẩu lao động, mở rộng sự tham gia của các thành phần kinh tế, đặc biệt chú ý vùng đồng bào dân tộc thiểu số; nâng cao chất lượng nguồn lao động xuất khẩu để tham gia sâu vào thị trường lao động với yêu cầu ngày càng cao, tạo nguồn lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội. Nâng cấp, sửa chữa các kết cấu hạ tầng xuống cấp ở các khu vực tái định cư, trong đó chú ý đến vấn đề đất sản xuất, nước sinh hoạt và các dịch vụ cơ bản khác.

## **7. Đẩy mạnh cải cách hành chính; nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về phòng chống tham nhũng, lãng phí; tổ chức tốt công tác tiếp công dân, giải quyết kịp thời các khiếu nại, tố cáo của công dân**

Tổ chức đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của các Sở, Ban, Ngành, các hội đoàn thể, các đơn vị sự nghiệp công lập; củng cố, kiện toàn sau khi sắp xếp lại thôn, tổ dân phố, xã trên địa bàn tỉnh. Triển khai thực hiện có hiệu quả, tiếp tục tạo đột phá trong cải cách thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, một cửa liên thông hiện đại, cải thiện mạnh môi trường kinh doanh, huy động nguồn lực xã hội và nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

Thực hiện lộ trình tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo Kết luận số 50-KL/TU ngày 27 tháng 10 năm 2016 của Tỉnh ủy khóa XXI về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ

Chính trị và Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ về tinh giản biên chế.

Triển khai thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng như: thực hiện công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị; việc xây dựng các chế độ, định mức; việc thực hiện các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập, chuyển đổi vị trí công tác... Tăng cường thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thủ trưởng đơn vị trong việc thực hiện các quy định về phòng, chống tham nhũng và thanh tra, kiểm tra các lĩnh vực dễ phát sinh tham nhũng như: quản lý, sử dụng đất đai, tài chính, đầu tư xây dựng cơ bản, thực hiện chế độ chính sách... đồng thời, hoàn thành tốt việc kiểm tra, rà soát các cuộc thanh tra kinh tế - xã hội, thực hiện kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước theo kế hoạch đề ra. Tổ chức tốt công tác đối thoại, tiếp công dân ở các cấp. Nâng cao hiệu quả công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo; tập trung giải quyết ngay từ cơ sở, hạn chế khiếu kiện, khiếu nại đông người, vượt thẩm quyền. Tăng cường công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí. Thực hiện nghiêm các kết luận thanh tra và việc xử lý sau thanh tra.

### **8. Tăng cường quản lý tốt tài nguyên, khoáng sản, môi trường**

Giải quyết tốt vấn đề môi trường ở các khu, cụm công nghiệp; tổ chức đấu nối quan trắc tự động đối với một số nhà máy sản xuất có xả thải ra môi trường. Chú trọng xử lý chất thải nguy hại, chất thải y tế; giải quyết vấn đề nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn. Cải tạo và xử lý ô nhiễm môi trường trên các dòng sông, hồ; ứng phó và khắc phục hiệu quả các sự cố môi trường. Hoàn thành đầu tư xây dựng các khu xử lý, lò đốt rác thải công nghệ cao để đảm bảo xử lý rác thải.

Tiếp tục thực hiện tốt công tác giao đất, cho thuê đất, định giá đất, giải phóng mặt bằng, tạo nhiều quỹ đất sạch để thu hút đầu tư. Quản lý chặt chẽ, thực hiện cơ chế đấu giá quyền sử dụng đất phục vụ kinh tế - xã hội theo hướng bền vững. Tập trung giải quyết các vướng mắc về giải phóng mặt bằng đối với dự án trọng điểm. Rà soát, kiên quyết thu hồi đất đối với các trường hợp giao đất, cho thuê đất đã quá thời hạn quy định nhưng chưa xây dựng hoặc xây dựng kéo dài chưa đưa vào sử dụng.

Tăng cường công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh; xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, đặc biệt là đối với các cơ sở đã đến hạn xử lý; tăng cường công tác quản lý, thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên, khoáng sản; tăng cường kiểm tra các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động khoáng sản nhằm chấn chỉnh tình trạng khai thác khoáng sản trái phép, vi phạm các quy định của pháp luật về khoáng sản. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản, bảo đảm nguồn khoáng sản được sử dụng hợp lý, tiết kiệm. Tăng cường chế biến sâu, giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

Thực hiện có hiệu quả kế hoạch hành động ứng phó biến đổi khí hậu. Tiếp tục thực hiện chương trình trọng điểm trong chiến lược bảo vệ môi

trường, đảm bảo tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững, giảm nghèo, cải thiện chất lượng cuộc sống.

Bảo tồn đa dạng sinh học và hệ sinh thái. Đẩy mạnh công tác bảo vệ môi trường biển, vùng ven biển, đảo; bảo vệ và phát triển rừng, đặc biệt là rừng nguyên sinh, rừng đặc dụng; bảo vệ và phát huy khu dự trữ sinh quyển Cù Lao Chàm. Thực hiện nghiêm các qui định về bảo vệ các giống loài động thực vật quý hiếm.

## **9. Quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội; đối ngoại**

Thực hiện đồng bộ, quyết liệt, tăng cường thực thi pháp luật trên biển. Giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội, tăng cường đấu tranh, phòng chống các loại tội phạm. Tăng cường quản lý và bảo vệ vững chắc chủ quyền an ninh biên giới, biển đảo. Sẵn sàng chiến đấu, đập tan mọi âm mưu, thủ đoạn của kẻ địch và các thế lực phản động chống phá an ninh chính trị. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng - an ninh. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện nhiệm vụ xây dựng tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố thành khu vực phòng thủ vững chắc; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân.

Đẩy nhanh tiến độ các dự án về quản lý biên giới; các dự án thuộc chương trình Biên Đông - Hải đảo. Chú trọng kết hợp củng cố quốc phòng an ninh với phát triển kinh tế xã hội, xóa đói giảm nghèo, nhất là ở địa bàn trọng điểm, vùng biên giới, vùng an toàn khu.

Tiếp tục bồi dưỡng kiến thức quốc phòng toàn dân, thực hiện có hiệu quả công tác nắm tình hình sẵn sàng chiến đấu. Tổ chức giao quân đúng kế hoạch, đủ chỉ tiêu. Xây dựng lực lượng dự bị động viên, tổ chức huấn luyện, diễn tập phòng thủ theo kế hoạch.

Tổ chức thực hiện tốt chương trình mục tiêu quốc gia về phòng chống tội phạm ma túy, mua bán người. Kiên quyết triệt phá các băng nhóm tội phạm. Triển khai các giải pháp đồng bộ nhằm tiếp tục lập lại trật tự đảm bảo an toàn giao thông đường bộ, đường thủy, đường sắt, phấn đấu giảm tỷ lệ tai nạn giao thông cả 3 tiêu chí.

Tiếp tục phát triển mối quan hệ đoàn kết hữu nghị đặc biệt, xây dựng “biên giới mẫu mực” giữa hai tỉnh Quảng Nam – Sê Kông. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về biên giới, biển đảo; phối hợp tham mưu Chính phủ cho phép nâng cấp cửa khẩu Nam Giang (Quảng Nam) - Đắc Tà Ooc (Sê Kông) lên cấp cửa khẩu quốc tế và tổ chức tốt Lễ nâng cấp cửa khẩu; triển khai các nhiệm vụ khác nhằm giữ vững ổn định biên giới hữu nghị Quảng Nam - Sê Kông; triển khai kịp thời các biện pháp bảo vệ ngư dân và các chính sách hỗ trợ để ngư dân yên tâm bám biển sản xuất và bảo vệ chủ quyền biển đảo.

Tổ chức các hoạt động quảng bá, xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch nhằm nâng cao hiệu quả thu hút các dự án FDI, ODA, NGO phục vụ phát triển kinh tế xã hội. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền đến kiều bào; theo dõi và giúp đỡ các doanh nghiệp kiều bào.

Tăng cường công tác phổ biến giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân.

Trên đây là báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2019 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020./.

***Nơi nhận:***

- TVTU, TT.HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu QH tỉnh;
- Các thành viên UBND tỉnh;
- CVP, PCVP,
- Các phòng CV
- Lưu: VT, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Huỳnh Khánh Toàn**